

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2024

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Lâm Giang

2. Ông: Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên toà: bà Đồng Khánh Ly – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thanh T (Hoàng Thị T1), sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1971 (có mặt)

Đều cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T2 có được tự do tìm hiểu và tự nguyện sống chung sống với nhau từ năm 1990 tại quê chị ở Thái Nguyên và sinh được 2 người con là Nguyễn Thị Huyền T3, sinh ngày 01/4/1992 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 26/02/1996. Đến năm 2000 chị và anh T2 về quê anh T2 ở V sinh sống và đăng ký kết hôn ngày 13/10/2000 tại UBND xã V, huyện T. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T2 làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T2 thường xuyên rượu chè, không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ, con, mỗi khi say rượu anh T2 còn chửi bới, đánh đập chị nhiều lần đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không thành. Vợ chồng đã

sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ năm 2015 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T3, sinh ngày 01/4/1992, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 26/02/1996. Hiện con chung đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T2 không đến làm việc. Qua xác minh tại địa phương cũng như lời khai của ông Nguyễn Ngọc M là bố đẻ anh T2 cho biết. Anh T2, chị T trước đây chung sống với nhau ở tại quê chị T ở Thái Nguyên và có với nhau hai con là Nguyễn Thị Huyền T3, sinh năm 1992 và Nguyễn Thanh H, sinh năm 1996 nhưng chưa đăng ký kết hôn đến năm 2000 anh T4 và chị T mới đăng ký kết hôn tại UBND xã V, sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng anh T2, chị T đưa các con về V sinh sống. Quá trình vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2015 thì mâu thuẫn, đến năm 2021 thì vợ chồng mỗi người đi làm ăn một nơi, từ khi chị T làm đơn ly hôn anh T2 ra tòa thì chị T không về V nữa. Còn anh T2 đi làm ăn (làm thợ xây) thỉnh thoảng về nhà, các giấy tờ văn bản của Tòa án gửi cho anh T2, ông đã nhận được và gọi điện thông báo cho anh T2 biết, anh tưởng có nói vợ chồng không ở được với nhau, chị T làm đơn ly hôn thì đề nghị Tòa án cứ giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung chị T, anh T2 có 2 con chung con gái lớn là cháu T3 đã xây dựng gia đình, còn cháu H đã trưởng thành, hiện đi làm công ty tự nuôi sống được bản thân, nên không yêu cầu giải quyết về con.

Tại phiên tòa anh T2 có mặt và xác định việc kết hôn, con chung như chị T trình bày là đúng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn đã trầm trọng anh đồng ý ly hôn chị T.

Con chung có hai con chung như chị T trình bày là đúng nay ly hôn anh nhất trí các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản. Anh T2 nhất trí để vợ chồng tự giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định, không đến làm việc, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa anh T2 có mặt.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thanh T. Xử cho chị T được ly hôn anh T2

Con chung: Chị T, anh T2 có 2 con chung là Nguyễn Thị Huyền T3, sinh năm 1992 và Nguyễn Thanh H, sinh năm 1996 nay các con chung đã trưởng thành, chị T, anh T2 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, chị T, anh T2 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về án phí: chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định.

Về quyền kháng cáo. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn T2, xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn". Bị đơn anh T2 có nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý, giải quyết anh T2 đã được giao các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T2 không đến tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tại phiên tòa đến tham gia phiên tòa, chị T có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thanh T chung sống với anh Nguyễn Văn T2 từ năm 1990 trên Thái Nguyên quê chị, đến năm 2000 anh T2, chị T với nhau về quê anh T2 để đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại điều 9 luật hôn nhân & gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T2 mãi chơi, không tu trí làm ăn không quan tâm tới gia đình, vợ con, vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, phía anh T2 nhất trí. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Hoàng Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn T2.

[3] Về con chung: Chị T, anh T2 có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T3, sinh ngày 01/4/1992 và Nguyễn Thanh H sinh ngày 26/02/1996. Nay cả 2

con chung đã trưởng thành chị T, anh T2 không yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị T, anh T2 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tiền án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thanh T. Xử cho chị Hoàng Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn T2.

2. Về tiền án phí: Chị Hoàng Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0000573 ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh

